

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NK  
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DSST

Ngày: 28/3/2022

V/v: T/c HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Nguyễn Thị Mai Hồng**

- Ông **Phan Công Ny**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kiều**

**Trang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận NK.

- *Đại diện Viện kiểm sát quận NK tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thùy Ngân** – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố C xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2021/TLST-DSST ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 87/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 07/3/2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 328E/10, Hoàng Quốc Việt, KV4, P. A, Q. NK, TPCT.

\* *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 731/11, tổ 11, KV2, P. A, Q. NK, Tp. C.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:* Vào ngày 26/4/2015 ông có cho ông Lê Văn T vay số tiền là 70.000.000đồng để mua máy bơm cát, hạn 01 tháng trả. Đến ngày 01/9/2020 ông và ông T gặp nhau chốt lại số nợ là 112.000.000đồng. Đồng thời ông T có làm giấy xác nhận nợ cho ông. Ông T hạn đến ngày 28/02/2021 sẽ trả đủ gốc và lãi suất 1%/tháng nhưng đến nay vẫn chưa

thực hiện nên ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T trả cho ông số nợ là 112.000.000đồng và lãi suất tính từ ngày 01/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng.

\* Quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn ông Lê Văn T luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết theo quy định, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày. Bị đơn vắng mặt.

#### ***Quan điểm đại diện Viện kiểm sát:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Theo chứng cứ là giấy xác nhận nợ lập ngày 01/9/2020 thể hiện ông Lê Văn T có nợ N đơn số tiền là 112.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, hạn tháng 02/2021 sẽ trả đủ số tiền trên kèm lãi suất. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên N đơn khởi kiện là có căn cứ. Về lãi: mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn T trả cho N đơn ông Nguyễn Thành N số nợ vốn là 112.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện và lời trình bày của N đơn. Xét đây là quan hệ “*Tranh chấp vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành triệu tập đối với ông Lê Văn T tuy nhiên ông T luôn vắng mặt. Do vậy sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục niêm yết, tố tụng theo quy định, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại các Điều 179 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện: Theo giấy xác nhận nợ lập ngày 01/9/2020 mà N đơn cung cấp thể hiện ông Lê Văn T có nợ N đơn ông Nguyễn Thành N số tiền là 112.000.000đồng. Hạn tháng 02/2021 sẽ trả đủ số tiền trên kèm lãi suất. Quá trình giải quyết Tòa án có triệu tập ông T để hòa giải, đối chất làm rõ nội dung tranh chấp nhưng ông T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên với chứng cứ mà N đơn cung

cấp đủ căn cứ xác định ông T có nợ nguyên đơn số tiền là 112.000.000đồng nên cần buộc ông T trả số tiền này cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất: Tại giấy xác nhận nợ ngày 01/9/2020 có ghi nhận ông Lê Văn T trả cho ông N lãi suất 1%/tháng. Nguyên đơn cũng yêu cầu bị đơn trả mức lãi 1%/tháng, tính từ ngày 01/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ để chấp nhận. Như vậy tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/3/2022) là 23 tháng 27 ngày x 112.000.000đồng x 1%/tháng = 26.768.000đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 26, 35, 147, 179, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Nguyễn Thành N.

1. Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho N đơn ông Nguyễn Thành N số tiền là 112.000.000đồng và lãi suất là 26.768.000đồng Tổng cộng là 138.768.000đồng (*Một trăm ba mươi T triệu bảy trăm sáu mươi T ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng cho đến khi trả xong số nợ này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Văn T phải chịu 6.938.000đồng án phí vụ kiện. N đơn ông Nguyễn Thành N được nhận lại 3.186.500đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001251 ngày 20/10/2021.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. NK “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. NK “để thi hành”.
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Cao Thị Thanh Trúc***

















